

DANH MỤC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2025
VỐN TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: ha

[illegible]

DANH MỤC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2025
VỐN HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm															Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú		
				Diện tích	Sử dụng từ các loại đất																	
					Đất lúa	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất thủy lợi	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	Đất sản xuất kinh doanh	Đất giao thông	Đất cơ sở TDTT	Đất giáo dục	Đất y tế	Đất phi nông nghiệp khác				
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)+... (19)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)		
I	Huyện Cao Lãnh	29,7854	0,5379	29,2475	4,3696	20,0118	0,3000	0,5800	0,2500	1,0000	1,3461	0,0000	0,0000	0,6100	0,0000	0,5800	0,0000	0,2000				
1	Dự án Hạ tầng khu tái định cư Bình Hàng Trung	22,0000		22,0000	2,5600	16,6800	0,3000	0,5800	0,2500		0,2400			0,6100		0,5800		0,2000	xã Bình Hàng Trung			
2	Nhà văn hóa ấp các xã năm 2025	0,4000	0,2000	0,2000	0,0800	0,0800					0,0400								xã Phong Mỹ, thị trấn Mỹ Thọ, xã Phương thịnh, xã Ba Sao			
3	Cầu kênh Cà Mác – kênh Ngã Đồng	0,4818		0,4818	0,2000	0,2318					0,0500								xã Tân Nghĩa, xã Ba Sao			
4	Cầu ngọn Nhà Hay	0,1161		0,1161	0,0800	0,0200					0,0161								xã Phong Mỹ			
5	Trường Mầm non Mỹ Hội	2,0000		2,0000	0,5000	1,0000					0,5000								xã Mỹ Hội			
6	Trường Mầm non Bông Sen (GD 1)	2,0000		2,0000	0,3000	0,7000				1,0000									thị trấn Mỹ Thọ			
7	Trường Mầm non Phương Trà	0,9875	0,3379	0,6496	0,2496	0,3000					0,1000								xã Phương Trà			
8	Trường Tiểu học Mỹ Long	1,8000		1,8000	0,4000	1,0000					0,4000								xã Mỹ Long			
II	Huyện Châu Thành	3,7470	0,0000	3,7470	1,2700	2,0500	0,0000	0,0000	0,0000	0,1900	0,1500	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0870				
1	Khu đô thị Nguyễn Huệ, giai đoạn 2	2,3470		2,3470	0,6700	1,4500				0,1900								0,0370	thị trấn Cái Tàu Hạ			

Số TT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm															Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú		
				Diện tích	Sử dụng từ các loại đất																	
					Đất lúa	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất thủy lợi	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	Đất sản xuất kinh doanh	Đất giao thông	Đất cơ sở TDTT	Đất giáo dục	Đất y tế	Đất phi nông nghiệp khác				
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)+... (19)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)		
2	Mở rộng Cụm dân cư Xẻo Vạt (giai đoạn 1)	1,4000		1,4000	0,6000	0,6000					0,1500							0,0500	xã Tân Bình			
	Tổng	33,5324	0,5379	32,9945	5,6396	22,0618	0,3000	0,5800	0,2500	1,1900	1,4961	0,0000	0,0000	0,6100	0,0000	0,5800	0,0000	0,2870				